



HONDALEX

NHÀ MÁY SẢN XUẤT NHÔM THANH ĐỊNH HÌNH NHẬT BẢN

ĐẲNG CẤP CHẤT LƯỢNG

DẪN LỐI TƯƠNG LAI



QUALITY WITH INTEGRITY | FABRICATION DONE RIGHT

OPEN DOOR

CỬA ĐI MỞ



Kích thước thông dụng

Common Size

H W	900	1800	3600
2200			
2400			
2800			
3000			

Thông số kỹ thuật cơ bản

Specifications

Độ dày trung bình	2.0 mm
Average thickness	
Bề rộng khung nhôm	70 mm
Frame thickness	
Kính sử dụng	8 - 34 mm
Glass thickness	
Giới hạn chiều rộng W	700 - 1.200
Width	MinMax
Giới hạn chiều cao H	2.000 - 2.800
Height	MinMax

Đặc tính vượt trội

Features

- Cách âm, cách nhiệt nhờ hệ gioăng đồng bộ với thanh nhôm
- Sound and heat insulation with a synchronous gasket system with aluminum bars.
- Chống rung, chống va đập tốt khi gặp thời tiết bất lợi
- Anti-vibration, good impact resistance in adverse weather.
- Không bị cong vênh theo thời gian sử dụng
- No warping over time of use.
- Phù hợp với mọi công trình kiến trúc hiện đại
- Suitable for all modern architectural projects

Phụ kiện

Accessories



Bản lề
LV70D02



Bản lề
LV50D01



Tay nắm
Door Handle



Tay nắm
Door Handle



Điểm khóa chốt âm
LVP005



Đầu gạt chốt cánh phụ
LVSK07



Ron cao su
LVEP29



Ron cao su
LVEP31



Nắp chụp ổ đồng
LV70E01



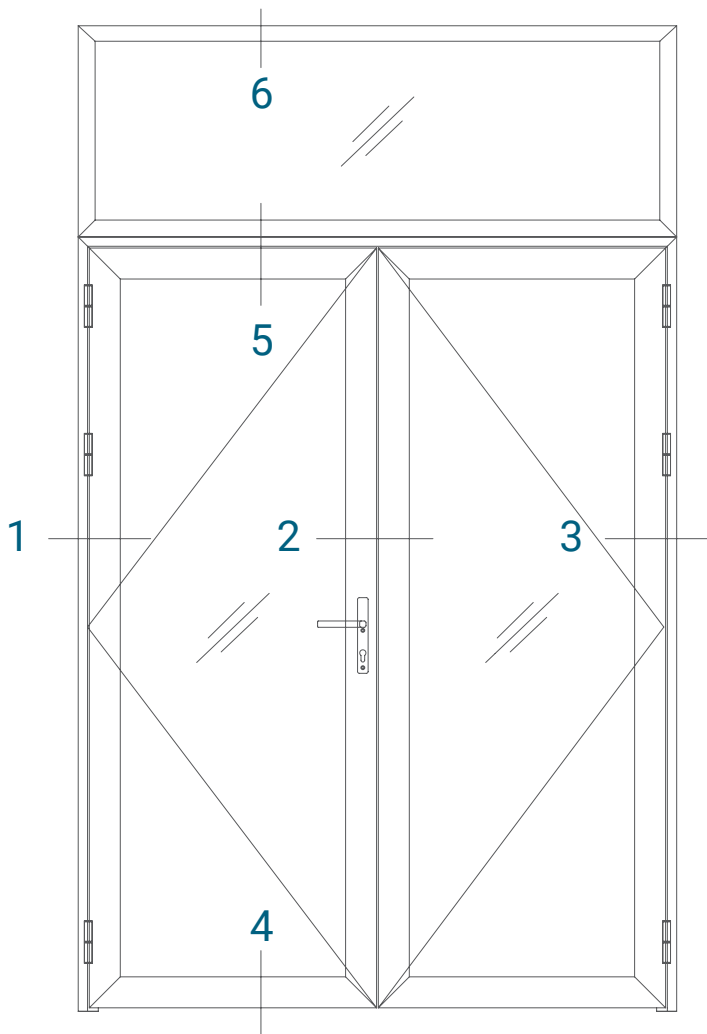
Nắp chụp chân 1412
LV70E02



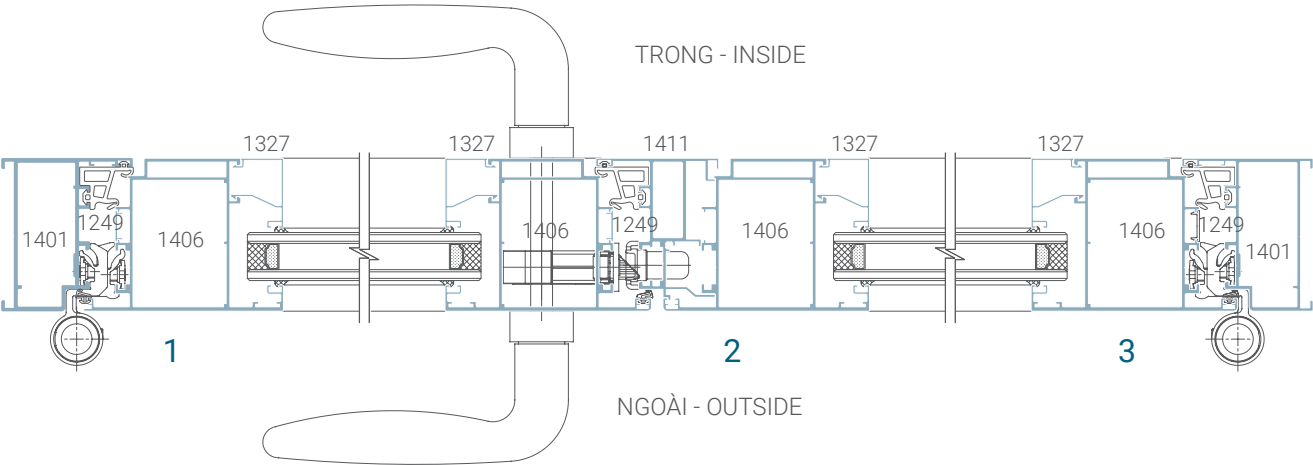
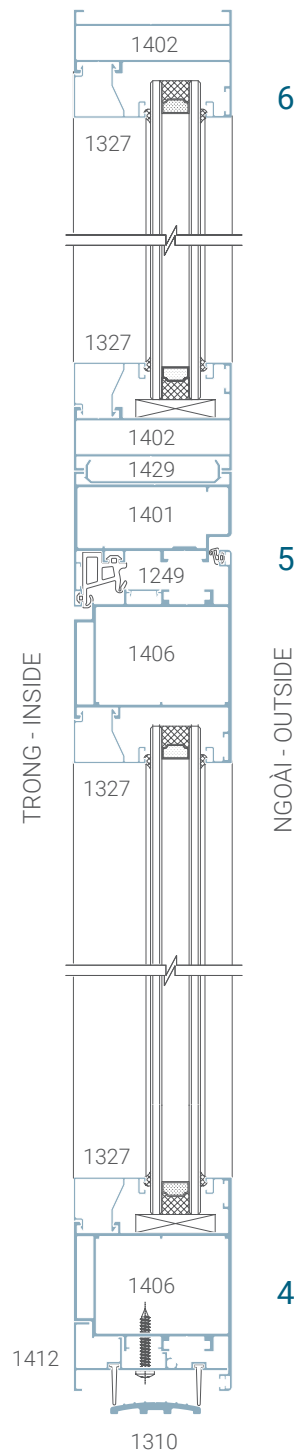
Ke tăng cứng LV56PX01
Patte inox

SƠ ĐỒ LẮP RÁP & MẶT CẮT

DIAGRAM & PROFILE



Mã số	Thay thế
1406	1407
1327	1326, 1427, 1417, 1418
1412, 1310	1401



1401

W= 1.274 kg/m
 T= 2.0 mm

1412

W= 0.52 kg/m
 T = 1.4 mmt

1406

W= 1.825 kg/m
 T= 2.0 mm

1402

W= 0.951 kg/m
 T= 1.4 mm

1407

W= 1.826 kg/m
 T= 2.0 mm

1429

W= 0.321 kg/m
 T= 1.4 mm

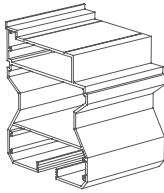
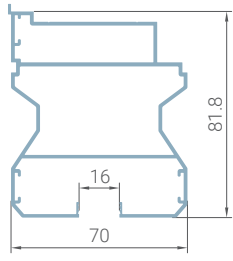
1411

W= 1.165 kg/m
 T = 1.5 mm

1427

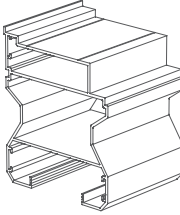
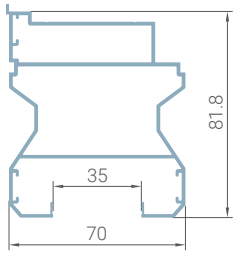
W= 0.403kg/m
 T = 1.5 mm

1416

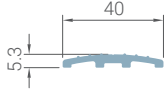
W= 1.762 kg/m
 T= 1.5 mm

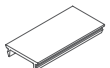
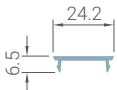
1417

W= 1.691 kg/m
 T= 1.5 mm

1310

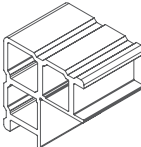
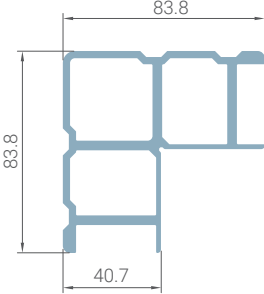



W= 0.297 kg/m
 T= 1.4 mm

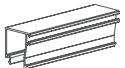
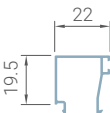
W= 0.053 kg/m
 T= 1.1 mm

1125

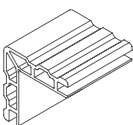
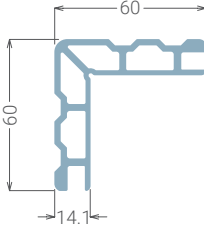
W= 3.43 kg/m
 T= 3 mm

1326

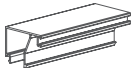
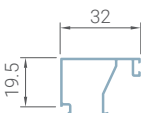
W= 0.214 kg/m
 T= 1.0 mm

1214

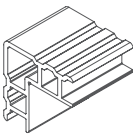
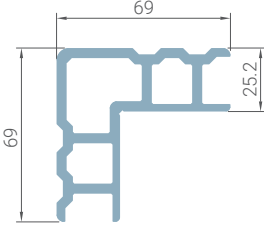
W= 1.781 kg/m
 T= 2.5 mm

1327

W= 0.261 kg/m
 T= 1.0 mm

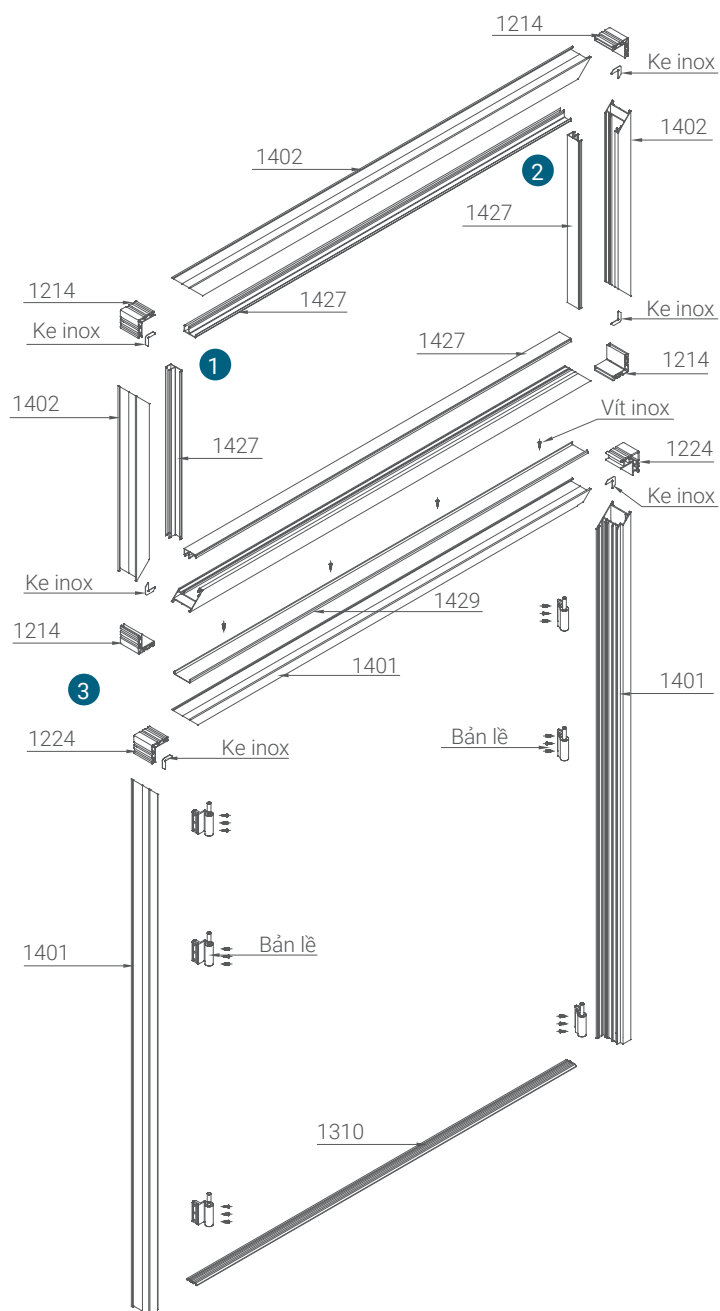
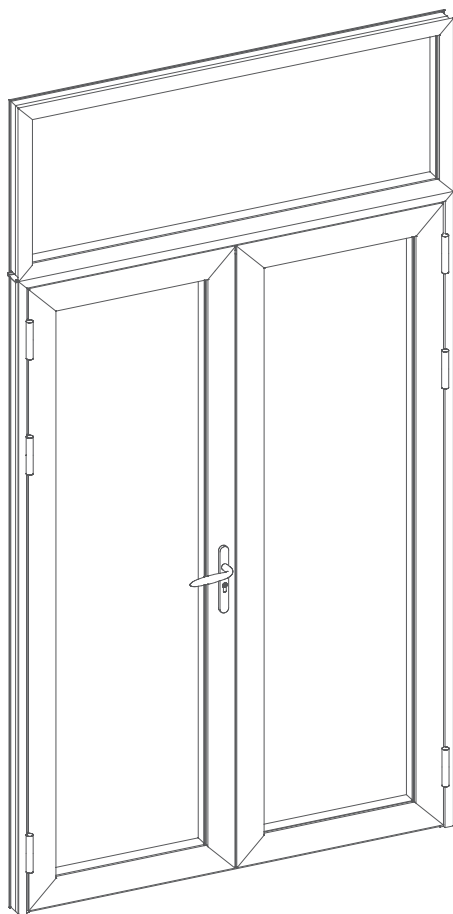
1224

W= 2.970 kg/m
 T= 4 mm

HƯỚNG DẪN LẮP RÁP

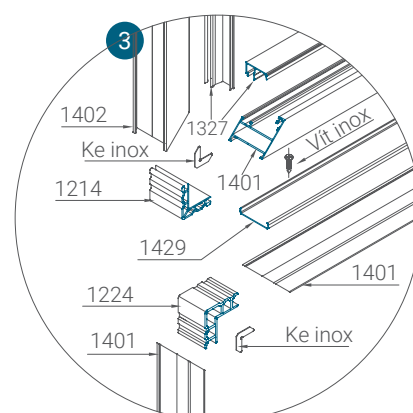
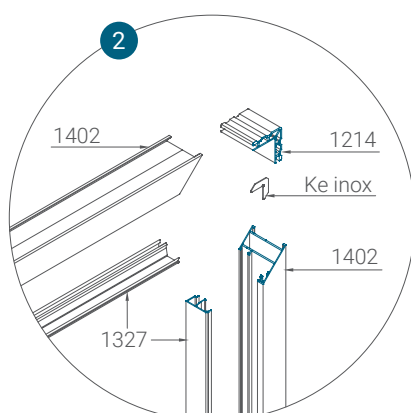
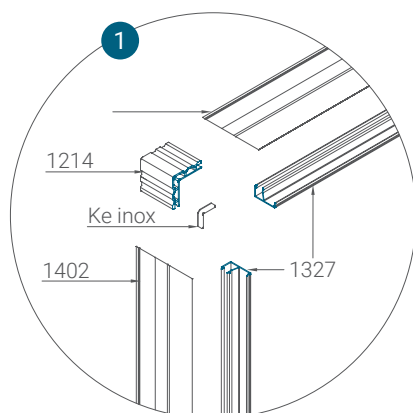
ASSEMBLY DIAGRAM

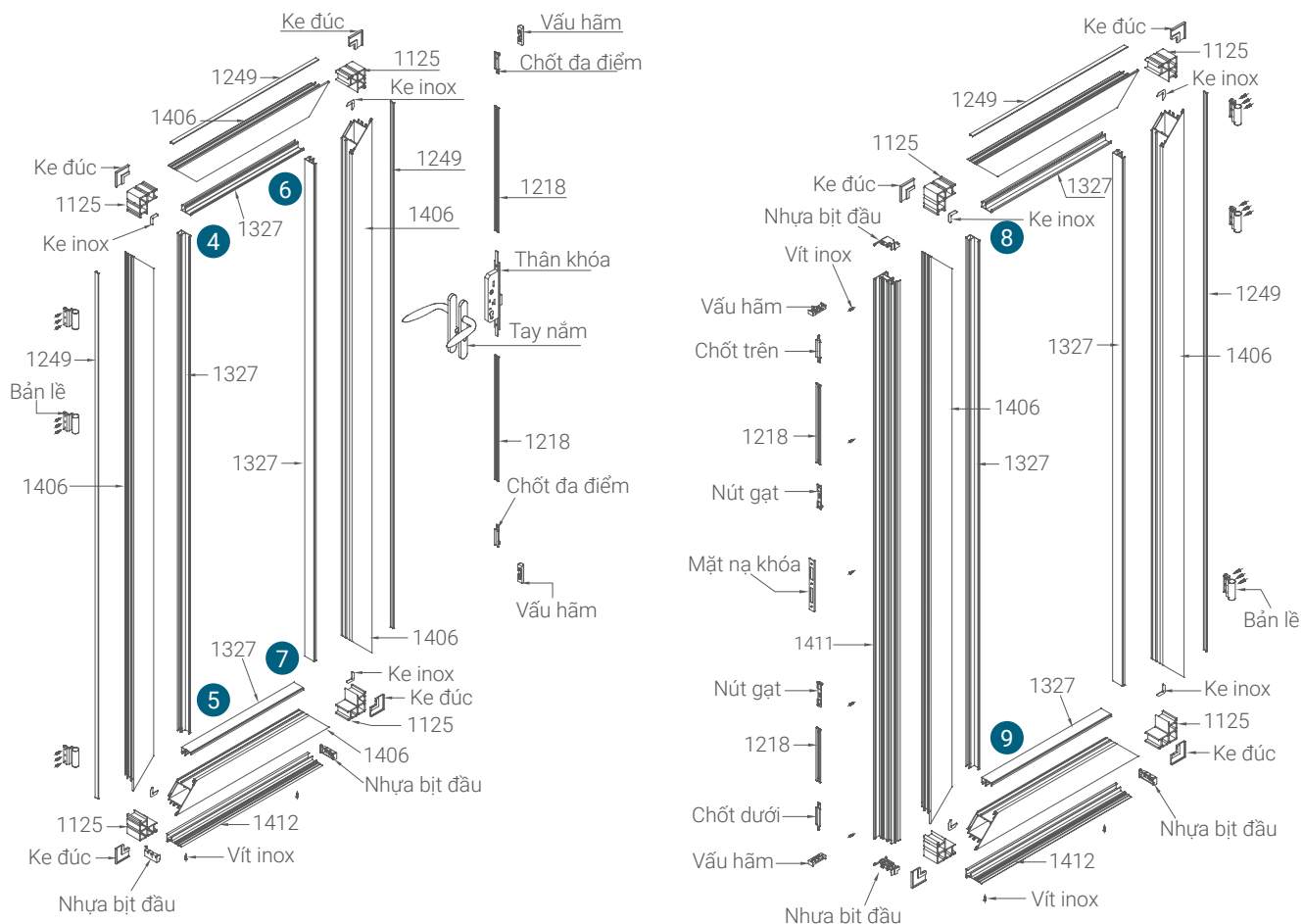


Lắp ráp hoàn thiện
Complete assembly diagram

Chi tiết ráp khung bao

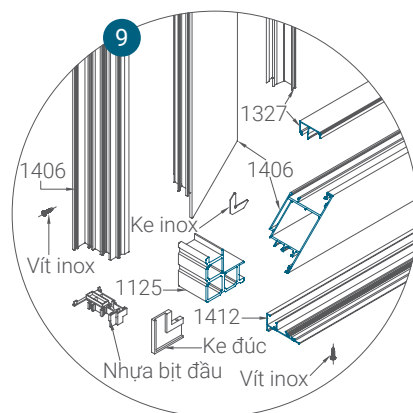
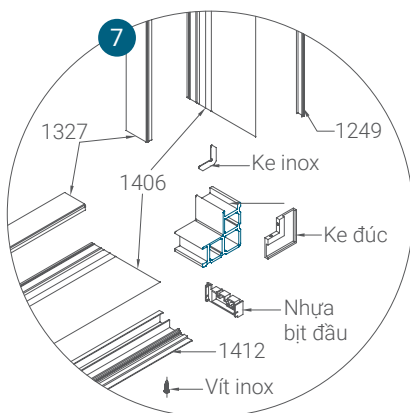
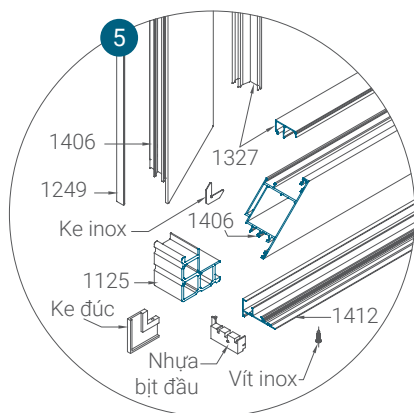
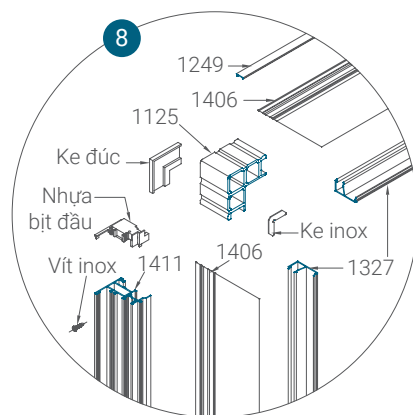
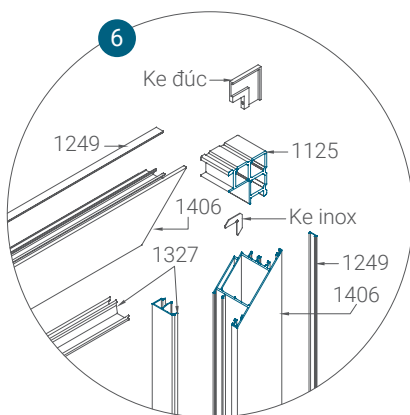
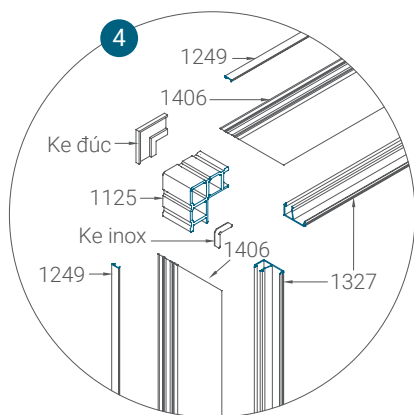
Outer frame details





Chi tiết ráp khung cánh

Leaf frame details



CASEMENT WINDOW

CỬA SỔ BẬT



Kích thước thông dụng

Common Size

H W	800	1600		3200
800				
1800	 	 		
2400	 	 		

Phụ kiện

Accessories



LVH009
Hinge



Bản lề chữ A rãnh C
Friction stay



Ron cao su
LVEP31



Thanh chống gió LVHC01
Stay Arms

Thông số kỹ thuật cơ bản

Specifications

Độ dày trung bình 1.4 mm
Average thickness

Bề rộng khung nhôm 70 mm
Frame thickness

Kính sử dụng 8 - 34 mm
Glass thickness

Giới hạn chiều rộng W 600 - 900
Width Min Max

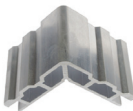
Giới hạn chiều cao H 1.200 - 1.800
Height Min Max



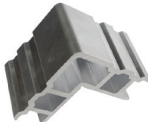
Ron cao su
LVEP29



Nắp chụp ổ động
LV70E01



Ke góc 1214
Corner joint



Ke góc 1224
Corner joint

Đặc tính vượt trội

Features

Cách âm, cách nhiệt nhờ hệ gioăng đồng bộ với thanh nhôm
Sound and heat insulation with a synchronous gasket system with aluminum bars.

Chống rung, chống va đập tốt khi gặp thời tiết bất lợi
Anti-vibration, good impact resistance in adverse weather.

Không bị cong vênh theo thời gian sử dụng
No warping over time of use.

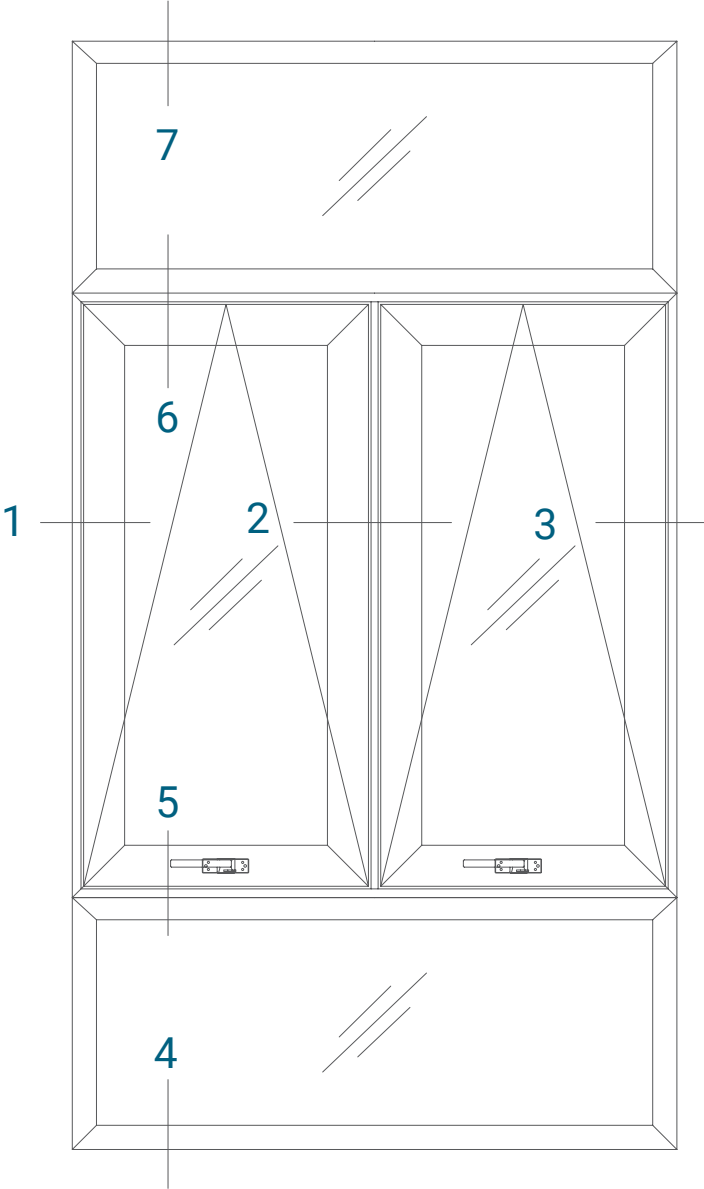
Phù hợp với mọi công trình kiến trúc hiện đại
Suitable for all modern architectural projects



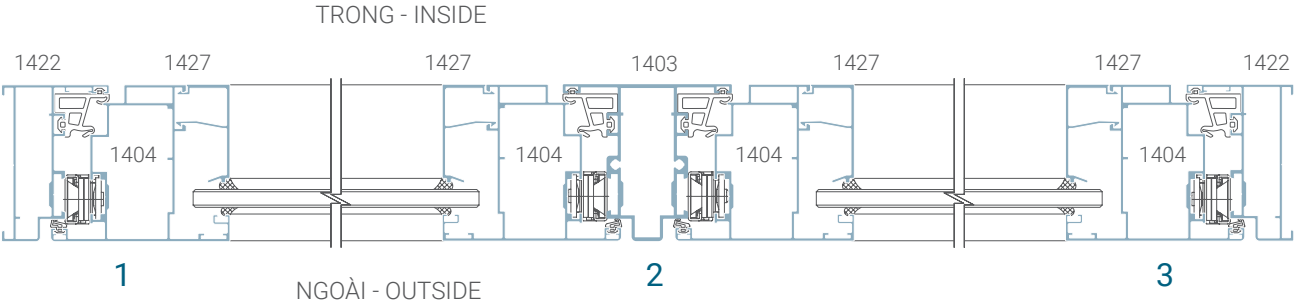
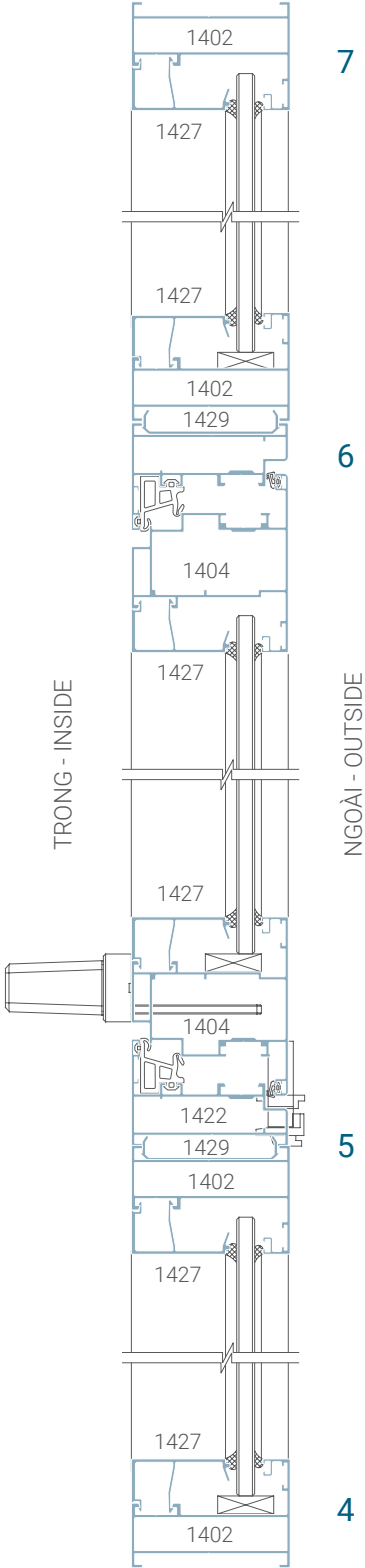
Patte inox
Patte inox

SƠ ĐỒ LẮP RÁP & MẶT CẮT

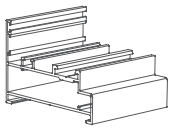
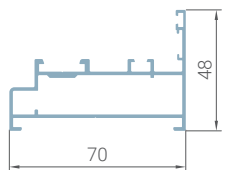
DIAGRAM & PROFILE



Mã số	Thay thế
1427	1326, 1327

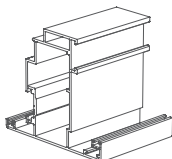
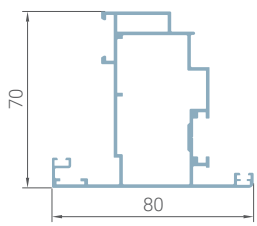


1422

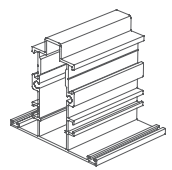
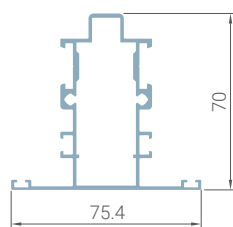
W= 0.997 kg/m
 T= 1.4 mm

1404

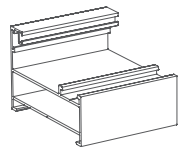
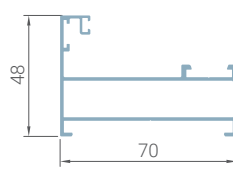
W= 1.369 kg/m
 T= 1.4 mm

1403

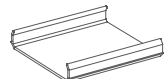
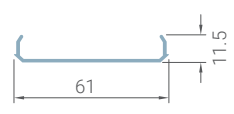
W= 1.341 kg/m
 T= 1.7 mm

1402

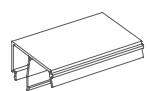
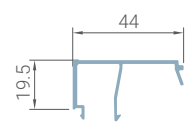
W= 0.951 kg/m
 T= 1.4 mm

1429

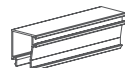
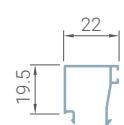
W= 0.321 kg/m
 T= 1.4 mm

1427

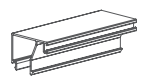
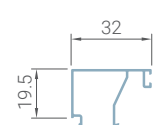
W= 0.403kg/m
 T = 1.5 mm

1326

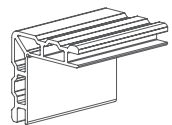
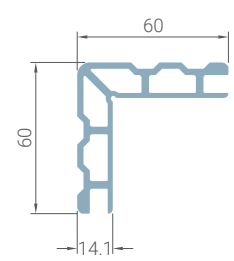
W= 0.214 kg/m
 T= 1.0 mm

1327

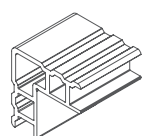
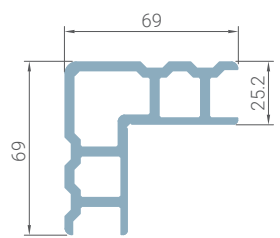
W= 0.261 kg/m
 T= 1.0 mm

1214

W= 1.781 kg/m
 T = 2.5 mm

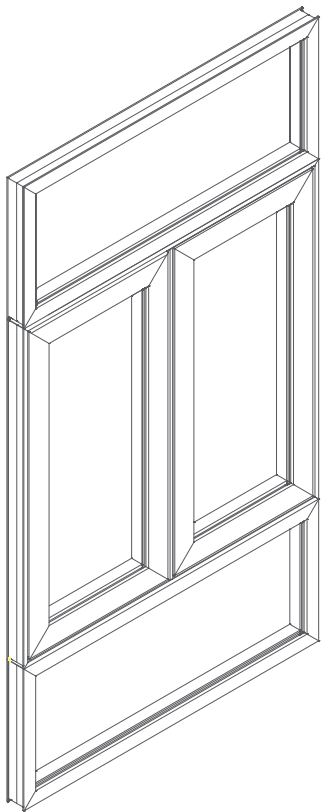
1224

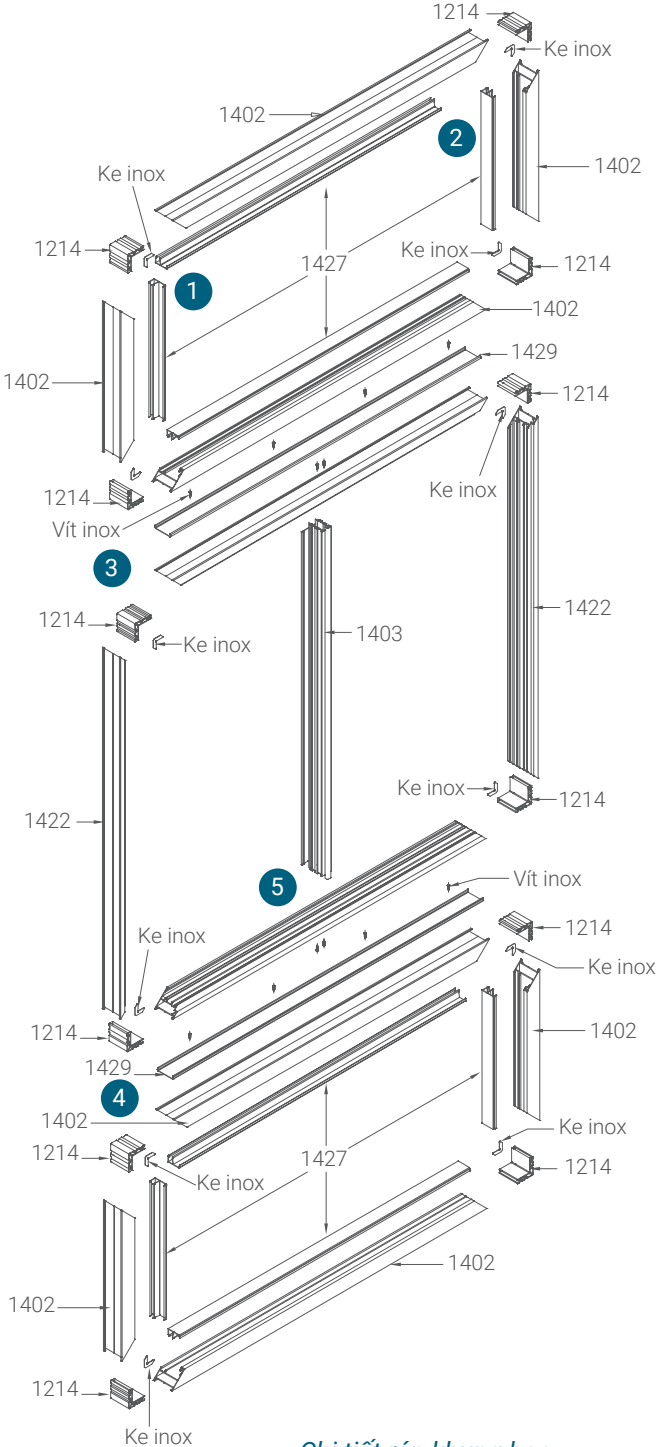
W= 2.970 kg/m
 T = 4 mm

HƯỚNG DẪN LẮP RÁP

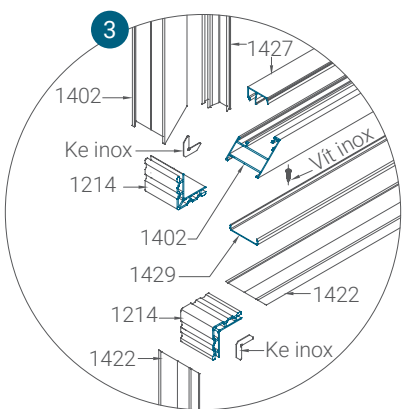
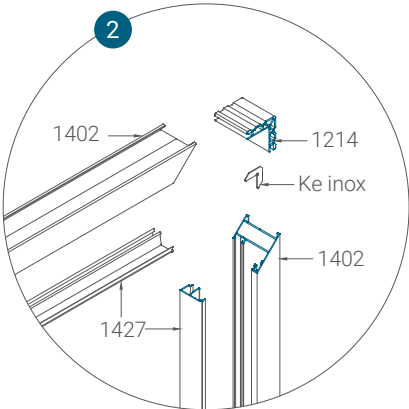
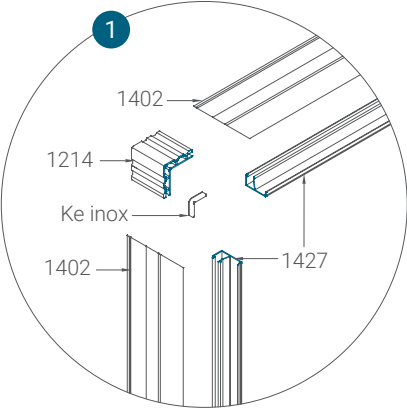
ASSEMBLY DIAGRAM

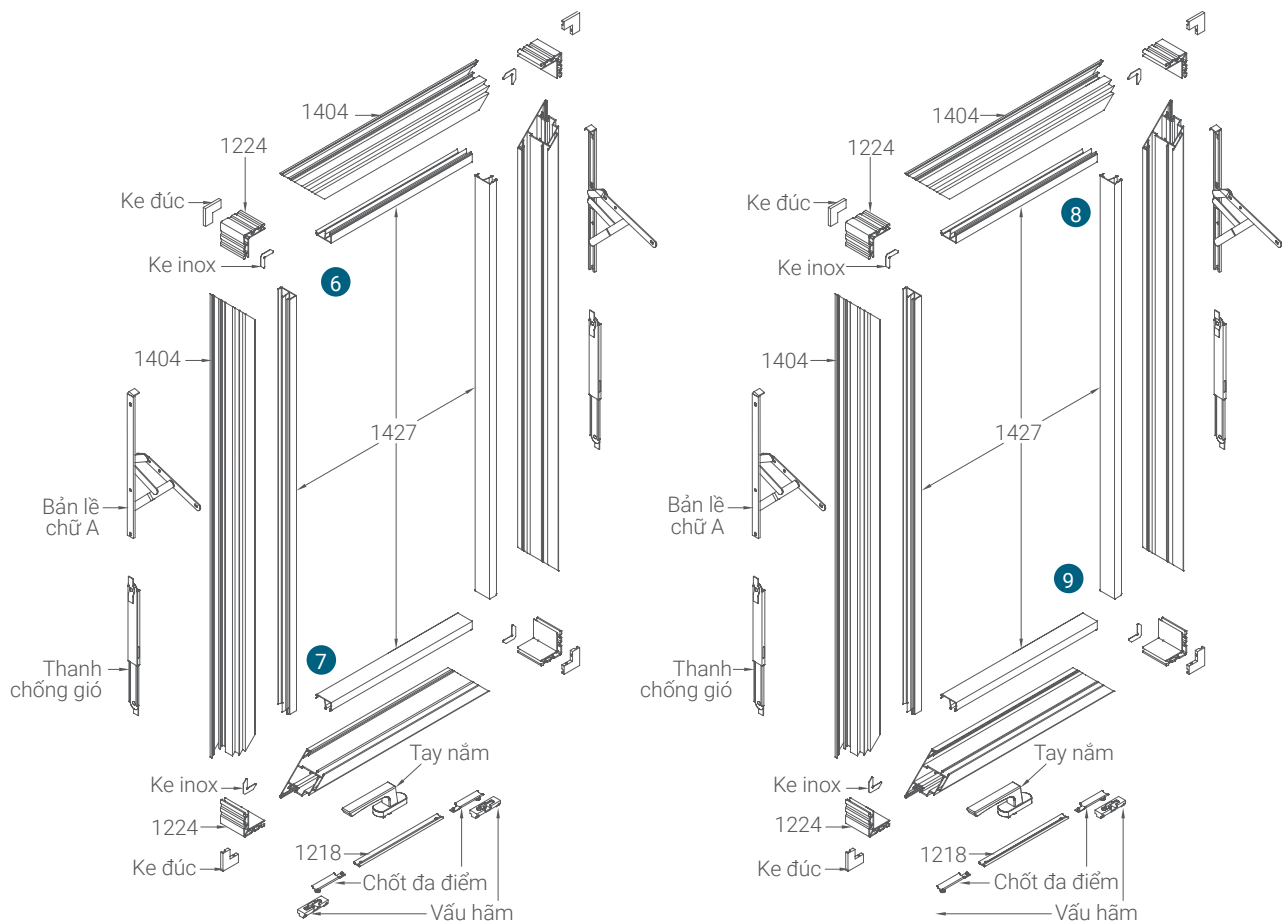


Lắp ráp hoàn thiện
Complete assembly diagram

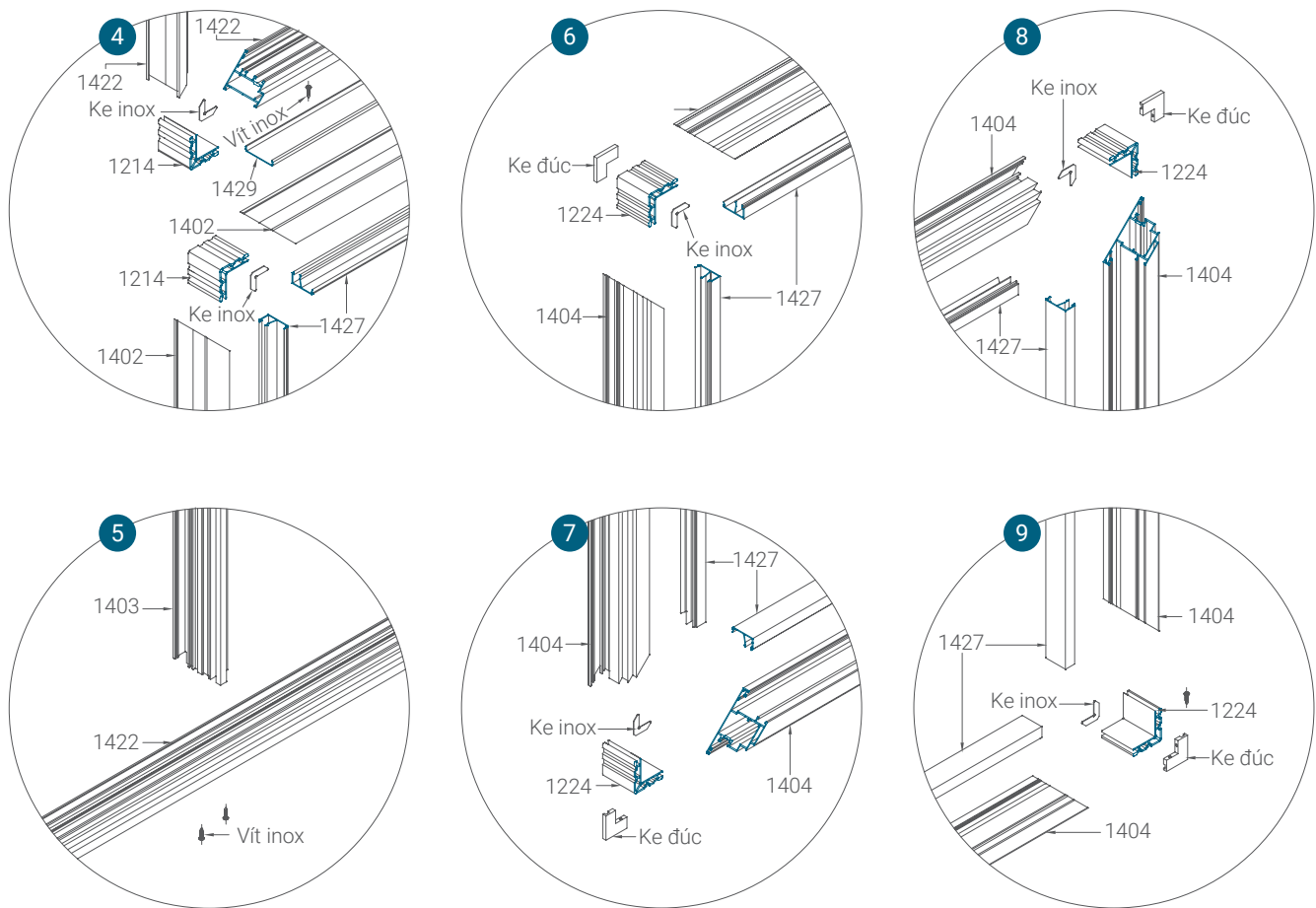


Chi tiết ráp khung bao
Outer frame details





Chi tiết ráp khung cánh
Leaf frame details





LIÊN DOANH VÀ PHÂN PHỐI NHÔM THANH ĐỊNH HÌNH HONDALEX
Joint Venture and Distribute Extruded Japanese Standard Aluminum Bar

299/4 Lý Thường Kiệt
P.15, Q.11, TP.HCM
www.longvan.com.vn



Tel: +84 28 38 660 887
Fax: +84 28 38 651 081
Email: info@longvan.com.vn